TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 14/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mộng Diễm.
2. Ông Lê Khắc Hòa.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 25/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà C, 109 THĐ, HK, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Bùi Công H – Phó giám đốc Trung tâm Giám sát kinh doanh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 43/2019/QĐ-LPB.QTR ngày 14/01/2019) – Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 *(Vắng mặt).*

Địa chỉ: khu phố 4, phường 3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2019, bản trình bày ý kiến ngày 25/4/2019, bản trình bày ý kiến ngày 14/5/2019 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/01/2017, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Quảng Trị đã ký hợp đồng tín dụng số 081/2017/HĐTD.460 với chị Nguyễn Thị T, số tiền cấp tín dụng là

30.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Phương thức trả nợ: trả gốc và lãi theo dư nợ gốc ban đầu. Số tiền gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 25 của mỗi tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 25/9/2018 chị Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (vi phạm về mặt thời gian trả) nên khoản vay của chị Nguyễn Thị T đã bị chuyển nợ quá hạn ngày 05/10/2018. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B đã nhiều đôn đốc, tạo điều kiện để chị Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vào ngày 24/12/2018 chị Nguyễn Thị T chỉ có trả 835.000 đồng tiền gốc và lãi là 305.428 đồng. Dư nợ gốc đến ngày 24/12/2018 là 13.300.000 đồng. Kể từ đó đến nay chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nữa.

Tính đến này 14/5/2019 chị Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền 15.237.206 đồng, trong đó số tiền dư nợ gốc là 13.300.000 đồng, nợ lãi 1.659.572 đồng, nợ lãi quá hạn 277.634 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải thanh toán toàn bộ số tiền là: 15.237.206 đồng và đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T phải phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 081/2017HĐTD.460 ký ngày 10/01/2017 với Ngân hàng TMCP B cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Chị Nguyễn Thị T là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đề ngày 14/01/2019, Tòa án nhân dân thị xã Q xác định về quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua Ngân hàng TMCP B và bị đơn trú tại khu phố 4, phường 3, thị xã Q. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: theo Hợp đồng tín dụng thì bị đơn có địa chỉ nơi cư trú khu phố 3, phường 3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên trong sổ hộ khẩu, bị đơn cư trú tại khu 4, phường 3, thị xã Q, Bị đơn thường xuyên vắng mặt nơi cư trú, nên Tòa án đã không tống đạt được trực tiếp cho bị đơn, Tòa án đã làm thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét

xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 081/2017/HĐTD.460 ngày 10/01/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 081/2017/HĐTD.460 ngày 10/01/2017 thì bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi định kỳ vào ngày 25 mỗi tháng. Đến ngày 26/9/2018 Chị Nguyễn Thị T đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 05/10/2018; lần cuối chị T trả nợ cho ngân hàng là ngày 24/12/2018. Tổng số tiền gốc đã trả là 16.700.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại là 13.300.000 đồng thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP B về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận (Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự).

Về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng tín dụng 081/201/KUNN.460 ngày 10/01/2017 các bên thỏa thuận lãi suất cho vay 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, trả lãi chậm bên vay còn phải thanh toán tiền phạt lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Lãi trả định kỳ vào ngày 25 của mỗi tháng theo dư nợ gốc ban đầu. Đến ngày 24/12/2018 phía bị đơn đã cho nguyên đơn 4.745.428 đồng; do bị đơn không trả nợ đến hạn, nguyên đơn đã chuyển nợ gốc và nợ lãi sang nợ quá hạn từ ngày 05/10/2018. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/5/2019, tổng số tiền nợ lãi của bị đơn là: 1.937.206 đồng (Bút lục số 55-59), trong đó nợ lãi trong hạn 1.659.572 đồng, nợ lãi quá hạn 277.634 đồng. Xét hợp đồng tín dụng được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi từ ngày 26/9/2018 đến ngày 14/5/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 1.937.206 đồng có cơ sở.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 13.300.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (14/5/2019) là 1.937.206 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí cà lệ phí Tòa án. Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 15.237.206 đồng (Mười lăm triệu, hai trăm ba mươi bảy ngàn, hai trăm linh sáu đồng). Trong đó nợ gốc 13.300.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm nghìn đồng), tiền lãi tính đến ngày 14/5/2019 là 1.937.206 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn hai trăm linh sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 081/201/KUNN.460 ngày 10/01/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 761.860 đồng (Bảy trăm sáu mươi mốt ngàn tám trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 352.000 đồng (Ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000575 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Mai Thị Thu Hà